

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 04 - 01 - 2022.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tân.

Ông Võ Văn Thỏ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thân Mến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/12/2021 và ngày 04/01/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2020/TLST-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2021/QĐXXST - DS ngày 02/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 173/2021/QĐST-DS ngày 22/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 209, khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1/ Ông **Sơn E** (Vắng mặt).

2/ Bà **Lý Thị T** (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 118, ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trịnh Hoàng T**, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 209, khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày:

Giữa bà với bà Lý Thị T là chỗ làm ăn quen biết, do bà T thiếu vốn làm ăn nên đã hỏi vay bà nhiều lần với tổng số tiền vay là 217.000.000 đồng cụ thể các lần vay như sau:

Vào ngày 24/11/2017 ả vay số tiền là 40.000.000 đồng hai bên có làm biên nhận, theo biên nhận thì hai bên không có thỏa thuận lãi suất, thời gian trả nhưng giữa hai người có thỏa thuận trong 02 tháng sẽ trả vốn và lãi, với lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Khi vay bà T có thể chấp cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 800, tờ bản đồ 07, diện tích 238 m² và tài sản gắn liền với đất tọa lạc: ấp V, xã Vi, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 27/12/2017 ả bà T vay tiếp số tiền là 10.000.000 đồng, thỏa thuận 01 tháng sẽ trả, lãi suất là 3%/tháng có làm biên nhận nhưng biên nhận không có ghi thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả.

Ngày 30/01/2018 ả bà T vay tiếp số tiền là 34.000.000 đồng thỏa thuận trả góp 01 tháng trả 02 lần, mỗi lần trả 1.000.000 đồng, cách nhau 15 ngày trả một lần, trả lần đầu vào ngày 30/01/2018 ả, trả trong vòng 17 tháng.

Đến ngày 10/02/2018 ả bà T tiếp tục vay số tiền là 20.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 20 lần, mỗi lần trả 1.000.000 đồng, trả lần đầu vào ngày 10/02/2018 ả, mỗi lần trả cách nhau 15 ngày.

Đến ngày 20/02/2018 ả bà T tiếp tục vay số tiền là 48.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp 01 tháng 01 lần số tiền là 2.000.000 đồng, trả lần đầu vào ngày 20/3/2018 ả, trả trong vòng 24 tháng.

Đến ngày 17/4/2018 ả bà T tiếp tục vay số tiền là 65.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp 10 ngày trả 01 lần số tiền là 1.000.000 đồng, trả lần đầu vào ngày 17/4/2018 ả.

Do là chỗ quen biết, đồng thời bà T có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà đã liên tục cho bà T vay tiền tổng cộng 06 lần với số tiền là 217.000.000 đồng. Tất cả các biên nhận nêu trên do bà T viết giao cho bà giữ. Từ khi vay đến nay bà T có trả bà số tiền khoản 15.000.000 đồng, khi bà T trả tiền bà có ghi vào biên nhận để ghi nhớ, hiện các biên nhận bà đã nộp cho Tòa án. Thực tế số tiền này lúc đầu bà T trả tiền vốn theo như thỏa thuận trả góp của các lần vay, nhưng do thiếu nhiều không có khả năng trả nên bà T mới thỏa thuận số tiền bà T trả xem như trả tiền lãi. Nay bà đồng ý cản trừ số tiền bà T trả cho bà vào số tiền vốn. Khi bà T vay tiền của bà thì chồng bà T là ông Sơn E đều biết. Do có khi ông Sơn E thay bà Lý Thị T đem tiền trả cho bà.

Nay nguyên đơn bà Trần Thị Đ yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm giải quyết buộc bà Lý Thị T và ông Sơn E trả tiền vay còn thiếu tổng cộng là 202.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày vay của các lần vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà đồng ý trả lại cho bà Lý Thị T và ông Sơn E giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 800, tờ bản đồ 07, diện tích 238m² và tài sản gắn liền với đất tọa lạc: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

* Bị đơn ông Sơn E và bà Lý Thị T vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, ông Sơn E và bà Lý Thị T cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự có mặt chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 202.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả theo quy định là 10%/năm tính từ ngày vay của các lần vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm 70.943.143 đồng. Đồng thời buộc nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 800, tờ bản đồ 07, diện tích 238 m² và tài sản gắn liền với đất tọa lạc: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cho các bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ vay còn thiếu nên quan hệ pháp luật tranh chấp được HĐXX xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Đồng thời các bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng các bị đơn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả tiền vay còn thiếu là 202.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án biên nhận ngày 24/11/2017; ngày 27/12/2017; ngày 30/01/2018; ngày 10/02/2018; ngày 20/02/2018; ngày 17/04/2018 với tổng số tiền vay là 217.000.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận trong quá

trình vay phía bị đơn có trả góp theo như thỏa thuận cho nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng và đồng ý cần trừ số tiền này vào tiền vốn gốc hiện bị đơn còn thiếu theo các biên nhận. Xét thấy, theo các biên nhận nguyên đơn cung cấp đều có thể hiện chữ ký và dấu vân tay của bà Tài. Đồng thời, theo các tài liệu nguyên đơn cung cấp, thì hiện tại nguyên đơn đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn. Ngoài ra, theo các biên nhận ngày 30/01/2018; ngày 10/02/2018 và ngày 20/02/2018 thể hiện phía bị đơn đã trả góp cho nguyên đơn theo như thỏa thuận được tổng số tiền là 15.000.000 đồng, nguyên đơn đồng ý cần trừ số tiền này vào vốn gốc là phù hợp theo quy định. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn thiếu là 202.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi suất chậm trả cho các khoản vay từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm. Xét thấy, đối với biên nhận ngày 24/11/2017 số tiền vay là 40.000.000 đồng và biên nhận ngày 27/12/2017 số tiền vay là 10.000.000 đồng, thì nội dung của các biên nhận không có thỏa thuận về lãi suất cũng như thời gian trả. Đồng thời, nguyên đơn cũng không có cung cấp các giấy tờ, tài liệu gì chứng minh cho việc các bên có thỏa thuận về lãi suất cũng như thỏa thuận về thời gian trả. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi suất chậm trả đối với các khoản vay này từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự. Số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo nguyên đơn yêu cầu không được chấp nhận được tính như sau: Đối với khoản vay 24/11/2017 âm lịch (nhằm ngày 10/01/2018 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 04/01/2022 là 03 năm 11 tháng 25 ngày x 40.000.000 đồng x 0,83% = 15.880.667 đồng. Đối với khoản vay 27/12/2017 âm lịch (nhằm ngày 12/02/2018 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 04/01/2022 là 03 năm 10 tháng 23 ngày x 10.000.000 đồng x 0,83% = 3.881.663 đồng. Tổng cộng tiền lãi không được chấp nhận là 19.762.000 đồng (làm tròn).

[5] Xét yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản vay ngày 30/01/2018; ngày 10/02/2018; ngày 20/02/2018; ngày 17/04/2018 từ ngày vay của các khoản vay đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm. Xét thấy, theo nội dung các biên nhận thì các bên thỏa thuận trả tiền vay bằng hình thức trả góp theo định kỳ cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận thì phía bị đơn đã vi phạm và không tiếp tục trả cho nguyên đơn nữa. Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi suất do chậm thực nghĩa vụ với mức lãi suất 10%/năm là có cơ sở chấp nhận theo quy định khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Đối với việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất do chậm thực nghĩa vụ từ ngày vay của các khoản vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận, sau khi vay tiền thì các bị đơn có tiến hành trả góp theo như thỏa thuận nhưng đến ngày 12/5/2018 âm lịch thì ngưng không trả nữa. Đồng thời, theo biên nhận ngày 20/02/2018 âm (BL 39 - 40) có thể hiện “T vắng 12/5/2018”. Từ đó, có cơ sở HĐXX xác định phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vào ngày

12/5/2018 ã. Do ðó, ðối yêu cầu tính lãi vay từ ngày vay của các khoản vay ðến ngày xét xử sơ thẩm là không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận. Do các bị ðơn ðã trả góp theo thỏa thuận ðược số tiền 15.000.000 ðồng, nên số tiền vốn bị ðơn còn thiếu lại theo các biên nhận ngày 30/01/2018; ngày 10/02/2018; ngày 20/02/2018; ngày 17/04/2018 tổng cộng là 152.000.000 ðồng. Từ ðó, lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ ðược tính như sau: Từ 12/5/2018 âm lịch (25/6/2018 dương lịch) ðến ngày xét xử sơ thẩm 04/01/2022: là 03 năm 06 tháng 10 ngày x 152.000.000 ðồng x 0,83%/tháng = 53.407.700 ðồng (làm tròn).

[6] ðối với việc các bị ðơn khi vay tiền có thể chấp cho nguyên ðơn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng ðất thửa 800, tờ bản ðồ số 07, diện tích ðược cấp 238m² tọa lạc ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy: Việc thế chấp giữa nguyên ðơn và bị ðơn chưa ðược thực hiện ðúng theo quy ðịnh tại Điều 188 Luật ðất ðai 2013 “*chưa Lập và ký Hợp ðồng thế chấp giữa bên nhận thế chấp và bên thế chấp (người có quyền sử dụng ðất), thực hiện công chứng hợp ðồng thế chấp tại tổ chức hành nghề công chứng. ðồng thời, làm thủ tục ðăng ký thế chấp tại Văn phòng ðăng ký ðất ðai*”. Từ ðó, việc thế chấp giữa các bên chưa có hiệu lực nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Mặc dù, phía bị ðơn không có yêu cầu nguyên ðơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng ðất. Nhưng do nguyên ðơn yêu cầu các bị ðơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay. Do ðó, ðể giải quyết vụ án ðược toàn diện HĐXX cần thiết xem xét buộc nguyên ðơn thực hiện nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng ðất cho các bị ðơn. ðồng thời, tại phiên tòa nguyên ðơn ðồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng ðất cho các bị ðơn nên HĐXX ghi nhận và buộc nguyên ðơn có nghĩa vụ trả lại cho bị ðơn giấy chứng nhận quyền sử dụng ðất thuộc thửa 800, tờ bản ðồ số 07, diện tích ðược cấp 238 m² tọa lạc ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện Ngã Năm (nay UBND thị xã Ngã Năm) cấp cho bà Lý Thị T vào ngày 05/01/2006.

[7] ðối với yêu cầu ông Sơn E có trách nhiệm cùng với bà Lý Thị T trả số tiền vay. Xét thấy, mặc dù biên nhận ông Sơn E không có ký tên, nhưng giữa ông Sơn E và bà Lý Thị T có quan hệ là vợ chồng. Theo nguyên ðơn cho bị ðơn vay là ðể làm ăn phục vụ nhu cầu trong gia ðình hằng ngày. ðồng thời, ðây là khoản nợ vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do ðó, nguyên ðơn khởi kiện yêu cầu bị ðơn ông Sơn E có trách nhiệm cùng với bị ðơn bà Lý Thị T trả số tiền nợ vay là có cơ sở chấp nhận theo qui ðịnh tại Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia ðình.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét lời ðề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của nguyên ðơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên ðơn ðược chấp một nhận nên các bị ðơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ðối với yêu cầu của nguyên ðơn ðược chấp nhận. Nguyên ðơn phải chịu án phí ðối với yêu cầu không ðược chấp nhận. Tuy nhiên, do nguyên ðơn là người cao tuổi có ðơn xin miễn án phí. Do ðó, HĐXX xem xét miễn án phí cho nguyên ðơn theo qui ðịnh tại ðiểm ð khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự; Điều 188 của Luật đất đai; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ.

Buộc các bị đơn bà Lý Thị T và ông Sơn E có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Đ số tiền vay còn nợ tổng cộng là 255.407.700 đồng (*Hai trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm đồng*) trong đó vốn gốc là 202.000.000 đồng và tiền lãi 53.407.700 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ về việc yêu cầu các bị đơn bà Lý Thị T và ông Sơn E có trách nhiệm liên đới trả số tiền lãi suất chậm trả tổng cộng là 19.762.000 đồng (*Mười chín triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) của số tiền vay còn thiếu là 50.000.000 đồng.

3. Buộc nguyên đơn bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bị đơn bà Lý Thị T và ông Sơn E giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 800, tờ bản đồ số 07, diện tích được cấp 238 m² tọa lạc ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện Ngã Năm (nay UBND thị xã Ngã Năm) cấp cho bà Lý Thị T vào ngày 05/01/2006.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lý Thị T và ông Sơn E có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.770.385 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm bảy mươi nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng*).

Nguyên đơn bà Trần Thị Đ không phải chịu án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ST;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn